

TA10. U2. Humans and the environment. Vocabulary 3

<p>Music & Performance</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. traditional music /trə'dɪʃənl 'mju:zɪk/ (n.phr): âm nhạc truyền thống 2. musical instrument /'mju:zɪ.kəl 'ɪn.strə.mənt/ (n.phr): nhạc cụ 3. music recording /'mju:zɪk rɪ'kɔ:dɪŋ/ (n.phr): bản thu âm 4. hits /hɪts/ (n): ca khúc hay nhất 5. performance /pə'fɔ:məns/ (n): màn biểu diễn 6. perform /pə'fɔ:m/ (v): biểu diễn 7. award /ə'wɔ:rd/ (n): giải thưởng 8. charity concert /'tʃærɪti 'kɔnsət/ (n.phr): buổi biểu diễn từ thiện 9. pop singer /pop 'sɪŋə/ (n.phr): ca sĩ nhạc pop 10. musician /mju:zɪʃn/ (n): nhạc sĩ 11. organiser /'ɔ:gənaɪzə/ (n): ban tổ chức 12. watch fireworks /wɔ:tʃ 'faɪəwɜ:ks/ (v.phr): xem pháo hoa <p>People & Roles in Music</p> <ol style="list-style-type: none"> 13. fan /fæn/ (n): fan hâm mộ 14. audience /'ɔ:diəns/ (n): khán giả 15. judge /dʒʌdʒ/ (n): giám khảo 16. artists /'a:tɪst/ (n): nghệ sĩ 17. runners-up /'rʌnəz-ʌp/ (n): á quân 18. psychic /'saɪkɪk/ (n): nhà ngoại cảm 19. teenager /'ti:nɪədʒə(r)/ (n): thiếu niên 20. talented /'tæləntɪd/ (adj): tài năng 21. be good at something /bi: gʊd æt 'sʌmθɪŋ/ (v.phr): giỏi về việc gì đó 22. develop /dɪ'veləp/ (v): phát triển 23. play an important role /pleɪ ən ɪm'pɔ:tənt rəʊl/ (v.phr): đóng vai trò quan trọng 24. upload /ʌp'ləʊd/ (v): đăng tải 25. vote /vout/ (v): bình chọn 26. share /ʃeə(r)/ (v): chia sẻ 27. reveal /rɪ'vi:l/ (v): tiết lộ 28. do research /du: rɪ'sɜ:ʃ/ (v.phr): thực hiện nghiên cứu 29. present /prɪ'zənt/ (v): trình bày 30. identify /aɪ'dentɪfaɪ/ (v): nhận ra 31. practise /'præktɪs/ (v): luyện tập 32. participate in /pə:tɪsɪpeɪt/ (phr.v): tham gia 	<p>Entertainment Shows & Competitions</p> <ol style="list-style-type: none"> 33. competition /kə:m.pə'tɪʃ.ən/ (n): cuộc thi 34. semi-final /'semi 'faɪnl/ (n.phr): bán kết 35. eliminate /ɪ'lɪmɪneɪt/ (v): loại 36. stage /steɪdʒ/ (n): giai đoạn 37. argument /'a:gjumənt/ (n): tranh luận 38. be not in favour of /bi: not ɪn 'fəvər əv/ (v.phr): không ủng hộ <p>Cultural & Traditional Art</p> <ol style="list-style-type: none"> 39. ancient /'eɪnʃənt/ (adj): cổ đại 40. worship singing /'wɔ:ʃɪp 'sɪŋɪŋ/ (n.phr): hát thờ 41. moon-shaped lute /mu:n-ʃeɪpt lu:t/ (n): đàn Nguyệt 42. bamboo clapper /bæm'bu: 'klæpəz/ (n): đàn tinh 43. spread /spred/ (v, n): lan truyền 44. praise /preɪz/ (v): tuyên dương 45. costumes /'kɒstju:mz/ (n): trang phục 46. depend on /dɪ'pend ə:n/ (phr.v): phụ thuộc vào 47. be recognised as /bi: 'rekəgnɪzd æz/ (v.phr): được công nhận <p>Personal Experiences & Feelings</p> <ol style="list-style-type: none"> 48. relax /rɪ'læks/ (v): thư giãn 49. surprise /sə'praɪz/ (v, n): sự bất ngờ 50. hesitate /'hezɪteɪt/ (v): ngần ngại 51. taste /teɪst/ (v): nếm thử 52. let someone do something /let 'sʌmwʌn du: 'sʌmθɪŋ/ (v.phr): cho phép ai đó làm gì 53. decide /dɪ'saɪd/ (v): quyết định 54. make someone fall asleep /meɪk 'sʌmwʌn fɔ:l ə'slɪ:p/ (v.phr): khiến ai đó mệt ngủ <p>Events, Festivals & Daily Activities</p> <ol style="list-style-type: none"> 55. take place /teɪk pleɪs/ (v.phr): diễn ra 56. preparation /prepə'reɪʃn/ (n): việc chuẩn bị 57. party atmosphere /'pa:ti 'ætməsfɪə/ (n.phr): không khí tiệc tùng 58. family gatherings /'fæmɪlɪ 'gæðərɪŋz/ (n.phr): họp mặt gia đình 59. art exhibitions /a:t ,eksɪ'bɪʃənz/ (n.phr): triển lãm nghệ thuật 60. take photos /teɪk 'fəʊtəʊz/ (v.phr): chụp ảnh 61. stadium ticket office /'steɪdiəm 'tɪkɪt 'ɒfɪs/ (n.phr): phòng vé sân vận động
---	---

Exercise 1: Match the vocabulary words (A–J) with the correct meaning (1–10).

Words/Phrases	Meanings
1. pop singer	A. A live event to raise money for a good cause
2. traditional music	B. A person who sings popular music
3. watch fireworks	C. A show in which someone sings, dances, or acts in front of others
4. semi-final	D. Songs passed down through generations in a culture
5. charity concert	E. Something you win for doing very well in music or art
6. musical instrument	F. A video or audio file made when someone plays or sings
7. award	G. A person who plays music, especially as a job
8. musician	H. A round in a competition before the final
9. performance	I. Tools used to make music, like guitar or piano
10. music recording	J. To enjoy colourful explosions in the sky during celebrations

Exercise 2: Choose the correct word to complete each sentence.

1. A lot of people still enjoy listening to _____ from their culture.
A. awards B. traditional music C. performers D. organisers
2. He plays the guitar, which is a common _____.
A. audience B. award C. musical instrument D. artist
3. Their new _____ became popular online within hours.
A. stage B. music recording C. argument D. performance
4. Taylor Swift has had many number-one _____ over the years.
A. hits B. artists C. judges D. awards
5. The dancers gave a great _____ during the show.
A. preparation B. fan C. performance D. surprise
6. She received an _____ for best female singer of the year.
A. artist B. performer C. taste D. award
7. The school organised a _____ to support children in need.
A. competition B. charity concert C. musical instrument D. semi-final
8. The event _____ was praised for managing everything perfectly.
A. fan B. judge C. organiser D. teenager
9. He became famous as a _____ after his first album.
A. pop singer B. psychic C. competition D. performer
10. The _____ played the violin with great passion.
A. judge B. award C. prize D. musician

Exercise 3: Complete each sentence using the correct word or phrase from the box. Use each only once.

Word Bank: traditional music – musical instrument – music recording – hits – performance – perform – award – charity concert – organiser – musician

1. The festival started with a group playing _____ from northern Vietnam.
2. She learned to play a _____ at the age of six.
3. The band released a new _____ online last week.
4. That song became one of the summer's biggest _____.
5. The singer gave an amazing _____ in front of thousands of fans.
6. I was so nervous when I had to _____ on stage for the first time.
7. He won an _____ for best new artist.
8. Many artists joined the _____ to raise money for flood victims.
9. The event _____ handled everything smoothly and on time.
10. My brother wants to be a professional _____ when he grows up.